

**TỔNG CÔNG TY
THIẾT BỊ ĐIỆN ĐÔNG ANH –
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số: 119 /QĐ-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN ĐÔNG ANH – CÔNG TY CỔ PHẦN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;

Căn cứ Luật Chứng khoán 2019;

Căn cứ các văn bản pháp luật có liên quan;

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty cổ phần;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty;

Căn cứ Nghị quyết số 108/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 14/6/2022 của phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Tổng công ty;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này bản “Quy chế nội bộ về quản trị công ty” sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 108/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 14/6/2022.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty, Thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Trưởng các đơn vị trực thuộc Tổng công ty và cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. Anh

Nơi nhận:

- TV HĐQT (e-office);
- Ban TGD (e-office);
- UBCKNN, HNX;
- Các đơn vị thuộc TCT (e-office);
- Website EEMC;
- Lưu Vth, TKTCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Nguyễn Trọng Tiếu

Hà nội, ngày 23 tháng 6 năm 2022

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN ĐÔNG ANH - CÔNG TY CỔ PHẦN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 119/QĐ-HĐQT ngày 23 tháng 6 năm 2022)**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 108/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 14 tháng 6 năm 2022;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Tổng công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần;

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Tổng công ty thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần bao gồm các nội dung sau:

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Tổng công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Người điều hành doanh nghiệp; quy định về việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc điều hành

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này áp dụng cho các đối tượng sau:

- a. Cổ đông;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Ban điều hành gồm: Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
- d. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;
- e. Người điều hành doanh nghiệp khác của Tổng công ty;

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và các từ viết tắt

Trong quy chế này, những thuật ngữ và các từ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:

- a. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- c. "Ban Tổng giám đốc" bao gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc
- d. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- e. "Người quản lý Tổng công ty" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác trong Tổng công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;
- f. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty;
- g. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty;
- h. "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành" (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty;
- i. "Người nội bộ" là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Tổng công ty được quy định tại Khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- k. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

l. "Điều lệ Tổng công ty" là Điều lệ của Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần;

m. "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

n. Các từ viết tắt:

- Tổng công ty: Tổng công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần.
- EEMC : Tổng công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần.
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông.
- HĐQT : Hội đồng quản trị.
- BKS : Ban kiểm soát.
- TGD : Tổng giám đốc.

CHƯƠNG II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Trình tự tổ chức Đại hội đồng cổ đông

1. Trình tự tiến hành triệu tập Đại hội đồng cổ đông và gửi thông báo mời họp

a. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 14 Điều lệ Tổng công ty;

b. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau:

- Lập danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

- Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

- Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

- Dự thảo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

- Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

- Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

- Các công việc khác phục vụ đại hội.

c. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chuẩn bị và gửi thông báo mời họp cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp, thực hiện các thủ tục thông báo về

việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông tới Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán theo quy định của Pháp luật.

2. Trình tự tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

a. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông: theo quy định tại Điều 5 Quy chế này. Tổng công ty phải thực hiện việc đăng ký đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

b. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, sau đó người triệu tập cuộc họp tuyên bố khai mạc đại hội và thực hiện bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu theo quy định tại Khoản 2 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp không đủ số lượng đại biểu cần thiết thì người triệu tập họp huỷ cuộc họp theo quy định tại Điều 19 Điều lệ Tổng công ty.

c. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ Thẻ biểu quyết và/hoặc thu Phiếu biểu quyết tán thành trước, sau đó đến biểu quyết không tán thành, cuối cùng Ban kiểm phiếu tập họp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Việc thực hiện biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Khoản 2, 3, 5 Điều 8 Quy chế này và theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

d. Sau khi Đại hội đồng cổ đông thực hiện biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp, Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu;

e. Thư ký chuẩn bị dự thảo Biên bản và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông theo kết quả biểu quyết tại cuộc họp và cung cấp dự thảo đó cho Chủ tọa để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 4. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sẽ ra quyết định chọn ngày đăng ký cuối cùng về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội. Quyết định này được lập thành văn bản và được thông báo đến cổ đông và các cơ quan liên quan khác (Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam,...) theo quy định của pháp luật.

Thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Điều 5. Cổ đông tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tiến hành họp ĐHĐCĐ, Tổng công ty tổ chức Ban kiểm tra tư cách cổ đông để thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện cho đến

khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông khi tham dự phiên họp ĐHĐCĐ có nghĩa vụ đăng ký với Ban kiểm tra tư cách cổ đông. Các giấy tờ cổ đông/đại diện theo uỷ quyền của cổ đông cần mang theo như sau:

a. Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc Chứng thực cá nhân hợp pháp của cổ đông;

b. Giấy uỷ quyền (trường hợp được uỷ quyền tham dự họp) và Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc Chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người được uỷ quyền;

2. Cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu họp, Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử (nếu có) và các tài liệu khác, trong đó:

a. Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết có ghi thông tin của cổ đông, mã số dự họp, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện được uỷ quyền của cổ đông cùng các nội dung cần thiết khác; có đóng dấu treo của Tổng công ty;

b. Phiếu bầu cử có ghi thông tin của cổ đông, mã số dự họp, số cổ phần sở hữu và/hoặc địa diện được uỷ quyền của cổ đông, tổng số lượng phiếu bầu, danh mục các ứng viên trong danh sách được bầu cử và các nội dung cần thiết khác; có đóng dấu treo của Tổng công ty.

Điều 6. Bầu, biểu quyết tại phiên họp ĐHĐCĐ

1. Tất cả các nội dung trong chương trình họp ĐHĐCĐ đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến của tất cả các cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông tham dự bằng Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử (nếu có) theo số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu.

2. Trình tự biểu quyết đối với từng nội dung đưa ra trước Đại hội:

a. Tán thành với nội dung vừa được trình;

b. Không tán thành với nội dung vừa được trình;

c. Không có ý kiến với nội dung vừa được trình.

3. Phương thức biểu quyết:

- Biểu quyết được thực hiện dưới hình thức giơ Thẻ biểu quyết hoặc thu Phiếu biểu quyết.

- Với mỗi nội dung biểu quyết, cổ đông/người đại diện biểu quyết một (01) lần duy nhất (Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến).

4. Phương thức bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên:

- Phương thức bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên: Bỏ phiếu bầu cử.

- Mỗi cổ đông/đại diện uỷ quyền có tổng số phiếu bầu tương ứng với số cổ phần đại diện nhân (x) với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc

Ban kiểm soát. Cổ đông/người đại diện ghi cụ thể số phiếu bầu và phần ghi Số phiếu bầu tương ứng với ứng cử viên mình bầu và nộp về Ban kiểm phiếu.

5. Tính hợp lệ của Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử:

a. Về hình thức: Thẻ, Phiếu hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức đại hội phát ra, có dấu treo của Tổng công ty, không tẩy xóa, cạo sửa và phải có chữ ký của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông.

b. Về nội dung:

- Cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông phải viết đầy đủ các thông tin được yêu cầu trên phiếu.

- Tổng số quyền biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông trong phiếu bầu không được vượt quá tổng số quyền biểu quyết của cổ đông đó sở hữu/được uỷ quyền.

- Phiếu nộp trước khi hết giờ bỏ phiếu, Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu.

6. Thẻ thức tiến hành biểu quyết và bầu cử phải tuân thủ theo các quy định khác được ghi trong Điều lệ Tổng công ty; Trong Quy chế bầu cử, Quy chế biểu quyết được thông qua tại Đại hội.

7. Kiểm soát, ghi nhận và thông báo kết quả biểu quyết, bầu cử

- Khi bắt đầu cuộc họp, Chủ tọa cuộc họp trình Đại hội thông qua danh sách thành viên Ban kiểm phiếu. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể là cổ đông của Tổng công ty.

- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ kiểm soát và ghi nhận kết quả biểu quyết các nội dung của Đại hội; kiểm phiếu, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

- Biên bản kiểm phiếu được Ban kiểm phiếu lập ra và có đầy đủ tất cả các thông tin sau:

- + Thời gian, địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ;
- + Các thành viên trong Ban kiểm phiếu;
- + Tất cả các nội dung biểu quyết/bầu cử theo quy định của pháp luật;
- + Thời gian kết thúc kiểm phiếu;
- + Chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu.

Điều 7. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Tổng công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Tổng công ty có quyền yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tổng công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Tổng

công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Tổng công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 8. Thông qua Nghị quyết đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Các vấn đề phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua được quy định theo Điều lệ Tổng công ty và pháp luật hiện hành.

3. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua:

a. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại;
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;
- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.

b. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

c. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và pháp luật. Trường hợp có từ 02 ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

d. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng quy định.

Điều 9. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm ghi lại toàn bộ diễn biến Đại hội, lập biên bản cuộc họp theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Tổng công ty và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp.

2. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải đọc dự thảo biên bản tại đại hội để các cổ đông dự họp kiểm tra nội dung trước khi trình Chủ tọa ký. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải ký tên vào biên bản và liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Tổng công ty. Biên bản ghi rõ việc Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản.

4. Trong thời gian 24 giờ kể từ khi thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin Nghị quyết, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và các tài liệu liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty theo quy định của Điều lệ.

Điều 10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Trong thời gian 24 giờ kể từ khi thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin Nghị quyết, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 11. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Quy trình và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo Điều 21 Điều lệ Tổng công ty.

Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Các trường hợp không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

- a. Định hướng phát triển;
- b. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- c. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
- d. Quyết định đầu tư/bán số tài sản có giá trị trên 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;

Điều 12. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

1. Triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông

Việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện như quy định tại Điều 18 Điều lệ Tổng công ty và Điều 3 Quy chế này.

Người triệu tập đại hội cổ đông ngoài những việc phải thực hiện theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 3 Quy chế này trong, phải gửi kèm theo thông tin đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ đông và người đại diện theo uỷ quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử. Thông báo mời họp phải quy định rõ cách thức đăng ký và tham dự họp trực tuyến, cách thức bỏ phiếu điện tử và phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để cổ đông có thể tiếp cận.

2. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

Việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông và Thông báo mời họp thực hiện theo quy định tại Điều 18 Điều lệ Tổng công ty và Điều 3, Điều 4 Quy chế này.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền (nếu có) tham dự họp truy cập vào Hệ thống đại hội đồng cổ đông trực tuyến của Tổng công ty theo thông báo để thực hiện đăng ký tham dự họp. Điều kiện để xác định cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến và hướng dẫn cụ thể tuân theo quy định tại Quy chế tổ chức của mỗi đại hội và được nêu rõ trong thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Tổng công ty và những cách thức được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 19 Điều lệ Tổng công ty và khoản 2 Điều 3 Quy chế này.

6. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu

a. Các thức bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.

b. Cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào Hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến quy định tại Khoản 3 Điều này để thực hiện biểu quyết/bầu cử. Khi cổ đông tiến hành bỏ phiếu điện tử, số ý kiến "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" đối với từng nội dung biểu quyết và số phiếu bầu cử cho từng ứng viên được ghi nhận trên hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

c. Nếu có phát sinh các nội dung ngoài chương trình đại hội đã gửi cho cổ đông, cổ đông có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu cổ đông không biểu quyết, bầu cử bổ sung với những nội dung phát sinh thì phiếu biểu quyết, bầu cử của cổ đông được xem như không có ý kiến đối với những nội dung này.

d. Cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử; biểu quyết, bầu cử bổ sung những nội dung phát sinh, và hệ thống trực tuyến chỉ sử dụng kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc việc biểu quyết, bầu cử.

e. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa hoặc trưởng ban kiểm phiếu công bố ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu.

f. Việc biểu quyết/bầu cử đối với hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện như với hình thức trực tiếp quy định tại Khoản 3, Khoản 4 điều 6 Quy chế này.

7. Hình thức và điều kiện thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện tương tự quy định tại Điều 22 Điều lệ Tổng công ty và Điều 8 Quy chế này.

8. Nghị quyết và biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và công bố thông tin được thực hiện theo Điều 23 Điều lệ Tổng công ty và Điều 9 Quy chế này.

9. Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến có giá trị tương đương nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp.

CHƯƠNG III

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 Điều lệ Tổng công ty. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty;

c. Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tối đa 05 công ty khác.

3. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Khi Tổng công ty là Công ty niêm yết phải có tối thiểu 01 thành viên là thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

Điều 14. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 20% (hai mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 20% (hai mươi phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 40% (bốn mươi phần trăm) được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% (bốn mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% (năm mươi phần trăm) trở lên được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên.

2. Trường hợp đã xác định được ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông và Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua danh sách ứng viên trước khi bầu theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Bầu thành viên Hội đồng quản trị

Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ Tổng công ty và Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Theo đó mỗi cổ đông/đại diện uỷ quyền có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị.

Cổ đông có quyền bầu hết toàn bộ hoặc một phần trong tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng viên. Tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng viên không được vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu ghi ở phần thông tin cổ đông.

Nguyên tắc trúng cử thành viên Hội đồng quản trị: Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu biểu quyết được bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên Hội đồng quản trị quy định.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử thông qua tại Đại hội.

Điều 16. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

Các thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp được quy định tại Khoản 4 Điều 26 Điều lệ Tổng công ty.

2. Bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

a. Trong thời hạn **60** ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. Nguyên tắc bầu theo Điều 15 Quy chế này.

b. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. Nguyên tắc bầu theo Điều 15 Quy chế này.

b. Trong các trường hợp khác, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Hội đồng quản trị mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức, hết nhiệm kỳ tại cuộc họp gần nhất.

c. Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty không được kiêm chức danh Tổng giám đốc.

Điều 17. Thông báo về thay đổi, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Tổng công ty công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ kể từ khi Tổng công ty có quyết định về thay đổi, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trên các phương tiện theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG IV TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 18. Triệu tập, thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian, địa điểm họp ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp 01 lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất 05 người điều hành khác;
- b. Ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát.

Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu trên phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị bằng văn bản. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

4. Thông báo họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Khoản 7 Điều 30 Điều lệ Tổng công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị bằng văn bản gửi đến Chủ tịch Hội đồng quản trị trước ngày tổ chức họp ít nhất 01 ngày. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được uỷ quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng quản trị dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị còn lại chấp thuận.

Điều 19. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị lần thứ nhất được tiến hành khi có ít nhất 3/4 tổng số thành viên dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

2. Cuộc họp Hội đồng quản trị trên điện thoại hoặc Hội đồng quản trị ra Nghị quyết bằng văn bản được thực hiện theo Khoản 12, 13 Điều 30 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 20. Cách thức biểu quyết

1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp (trên 50%) tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản trị là lá phiếu quyết định.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết, xem như thành viên Hội đồng quản trị đó không có phiếu biểu quyết về vấn đề đó.

Điều 21. Thông qua Biên bản, nghị quyết họp Hội đồng quản trị; Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị

1. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập theo quy định tại Khoản 14 Điều 30 Điều lệ Tổng công ty và khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị được chuyển cho các thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm các thành viên dự họp và các thành viên vắng mặt). Biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi.

3. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nêu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung biên bản theo quy định và ghi rõ việc Chủ tọa, người ghi biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị ký và ban hành các Nghị quyết trên cơ sở các nội dung đã được thống nhất trong Hội đồng quản trị.

5. Nghị quyết Hội đồng quản trị về các nội dung điều hành nội bộ được phân phối cho các thành viên Hội đồng quản trị và các bộ phận liên quan trong nội bộ Tổng công ty; Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các nghị quyết của Hội đồng quản trị cho các cơ quan hữu quan, trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và các phương tiện khác theo quy định của pháp luật Doanh nghiệp và pháp luật Chứng khoán, thị trường Chứng khoán.

CHƯƠNG V

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, BÃI NHIỆM, MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 22. Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát (kiểm soát viên) là 03 người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Tổng công ty;

c. Không phải là người quản lý Tổng công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;

d. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;

e. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó;

g. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị doanh nghiệp hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

3. Các kiểm soát viên bầu 01 người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Điều 23. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 50% (năm mươi phần trăm) trở lên được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên.

2. Trường hợp đã xác định được ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông và Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua danh sách ứng viên trước khi bầu theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

Bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ Tổng công ty và Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Theo đó mỗi cổ đông/đại diện uỷ quyền có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát.

Cổ đông có quyền bầu hết toàn bộ hoặc một phần trong tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng viên. Tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng viên không được vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu ghi ở phần thông tin cổ đông.

Nguyên tắc trúng cử thành viên Ban kiểm soát: Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu biểu quyết được bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên Ban kiểm soát quy định.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử thông qua tại Đại hội.

Điều 25. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban kiểm soát

1. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát:

Các thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty không còn tư cách thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp được quy định tại Khoản 2 Điều 37 Điều lệ Tổng công ty.

Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Điều 174 Luật Doanh nghiệp.

2. Bổ sung thành viên Ban kiểm soát

a. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát. Nguyên tắc bầu theo Điều 24 Quy chế này.

b. Trong các trường hợp khác, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban kiểm soát mới thay thế thành viên Ban kiểm soát đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức, hết nhiệm kỳ tại cuộc họp gần nhất.

Điều 26. Thông báo về thay đổi, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Tổng công ty công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ kể từ khi Tổng công ty có quyết định về thay đổi, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trên các phương tiện theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VI

BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY

Điều 27. Tiêu chuẩn của Người điều hành Tổng công ty

1. Tổng công ty có 01 Tổng giám đốc, không quá 05 Phó tổng giám đốc, 01 kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc tuân thủ theo quy định tại Khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác liên quan.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của người điều hành khác do Hội đồng quản trị quy định và theo các văn bản pháp luật khác liên quan.

Điều 28. Bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành Tổng công ty

1. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác.

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 5 năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm người điều hành khác trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc, đảm bảo số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu trong quy chế quản lý của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quy định.

3. Tổng công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành Tổng công ty trong nội bộ Tổng công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật doanh nghiệp, pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 29. Ký hợp đồng lao động với người điều hành Tổng công ty

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc ký hợp đồng lao động với người điều hành khác.

CHƯƠNG VII
PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 30. Thông báo mời họp, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Khi cần thiết Hội đồng quản trị có thể mời Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, một số người điều hành Tổng công ty khác. Trưởng ban kiểm soát chịu trách nhiệm bố trí kiểm soát viên tham dự. Tổng giám đốc, Kiểm soát viên và người điều hành Tổng công ty khác có thể tham gia thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

2. Tại các cuộc họp quan trọng của Ban kiểm soát, Trưởng ban kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành Tổng công ty khác tham dự.

3. Tại các cuộc họp quan trọng của Ban Tổng giám đốc, Tổng giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị và người điều hành Tổng công ty khác tham dự.

4. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, biên bản và thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật liên quan.

Điều 31. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát

Nghị quyết/biên bản họp của Hội đồng quản trị có liên quan cần thiết được cung cấp cho ban kiểm soát.

Điều 32. Các vấn đề báo cáo cung cấp thông tin của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc thực hiện quyền hạn và trách nhiệm theo Khoản 3 Điều 35 Điều lệ Tổng công ty.

2. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo khi được yêu cầu. Các vấn đề nổi cộm, hoặc gặp khó khăn, Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát kịp thời.

3. Hội đồng quản trị kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc ngay trong các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc điều hành

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định của Điều lệ Tổng công ty, theo kế hoạch hành động chung của Tổng công ty;

2. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện các công việc kinh doanh, cơ cấu tổ chức theo chiến lược, mục tiêu, kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

3. Tổng giám đốc chủ động điều hành Tổng công ty theo phân cấp, đảm bảo Tổng công ty hoạt động liên tục, hiệu quả.

4. Ban kiểm soát thực hiện các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất, đưa ra kết luận bằng văn bản gửi cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc. Trong quá trình thực hiện kiểm tra giám sát, nếu phát hiện ra các vấn đề không có lợi hoặc trái với quy định thì phải báo ngay với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để xem xét.

CHƯƠNG VIII NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý Tổng công ty

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và người điều hành Tổng công ty khác phải có các trách nhiệm cần trọng, trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi, trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường theo quy định tại Điều 40, Điều 41 Điều lệ Tổng công ty

Điều 35. Giao dịch với người có liên quan, với cổ đông, với người quản lý Tổng công ty và người có liên quan của các đối tượng này

Các giao dịch với người có liên quan, với cổ đông, với người quản lý Tổng công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải tuân thủ theo đúng Điều lệ Tổng công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan khác.

CHƯƠNG IX ĐÁNH GIÁ KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 36. Đánh giá hoạt động

1. Hội đồng quản trị xây dựng bản phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng quản trị. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và

1322
3
TY
ĐIỆN
LỰC
HÀ NỘI

